UBND TỈNH TUYÊN QUANG
TRƯỜNG ĐẠI HỌC TÂN TRÀO
Số: 897/QĐ-ĐHTTr

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Tuyên Quang, ngày 05 tháng 10 năm 2020

QUYẾT ĐỊNH

Về việc công nhận danh sách thí sinh trúng tuyển đại học, hệ chính quy đợt tuyển sinh 1, năm 2020 đối với phương thức xét tuyển theo kết quả thi tốt nghiệp THPT năm 2020

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG TUYỂN SINH TRƯỜNG ĐẠI HỌC TÂN TRÀO

Căn cứ Quy chế tuyển sinh trình độ đại học; tuyển sinh trình độ cao đẳng ngành Giáo dục Mầm non ban hành kèm theo Thông tư số 09/2020/TT-BGDĐT ngày 7 tháng 5 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo;

Căn cứ đề án tuyển sinh số 28/ĐA-ĐHTTr ngày 15/9/2020 của Trường Đại học Tân Trào về tuyển sinh trình độ đại học, trình độ cao đẳng, ngành Giáo dục Mầm non;

Căn cứ biên bản xác định điểm trúng tuyển đại học, cao đẳng giáo dục Mầm non hệ chính qui đợt xét tuyển 1 đối với phương thức xét tuyển theo kết quả thi tốt nghiệp THPT năm 2020, ngày 04/10/2020 của Hội đồng tuyển sinh trường Đại học Tân Trào.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công nhận danh sách 154 thí sinh trúng tuyển đại học, hệ chính quy, đợt tuyển sinh 1, năm 2020 đối với phương thức xét tuyển theo kết quả thi tốt nghiệp THPT năm 2020 (có tên trong danh sách kèm theo).

Điều 2. Các thí sinh có tên trong danh sách trúng tuyển nêu trên có trách nhiệm chấp hành đầy đủ các nội qui, qui định của nhà trường và được hưởng các quyền lợi theo chế độ hiện hành.

Điều 3. Các ông (bà) Trưởng các đơn vị công tác có liên quan trong nhà trường và các thí sinh có tên tại Điều 1 chịu trách nhiệm thi hành quyết định này./.

Nơi nhận :
- Vụ GD Đại học, Bộ GD&ĐT (b/c);
- Lãnh đạo trường;
- TT Hội đồng TS;
- Như điều 3 (t/h);
- Lưu VT, ĐT.

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG TUYỂN SINH

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH TUYÊN QUANG
TRƯỜNG ĐẠI HỌC TÂN TRÀO

HIỆU TRƯỞNG
PGS. TS. Nguyễn Bá Đức

DANH SÁCH THÍ SINH TRÚNG TUYỂN ĐẠI HỌC HỆ CHÍNH QUI ĐỢT TUYỂN SINH 1, NĂM 2020
ĐỐI VỚI PHƯƠNG THỨC XÉT TUYỂN THEO KẾT QUẢ THI TỐT NGHIỆP THPT NĂM 2020

(Kèm theo Quyết định số 897/QĐ-ĐHTTr ngày 05/10/2020
của Hiệu trưởng trường Đại học Tân Trào)

STT	SBD	Mã ngành trúng		Ngày sinh	Giới tính	KV ƯT	ĐT ƯT	Hộ khẩu thường trú		Tổ hợp môn	Môn 1		Môn 2		Môn 3		Tổng điểm chưa	Điểm ưu tiên	Tổng điểm có ƯT
								Tên huyện/TP	Tên tỉnh										
1. Ngành Giáo dục Mầm non																			
1	09004623	7140201	Hoàng Thị Thanh Chúc	19/05/2002	Nữ	1		Huyện Hàm Yên	Tuyên Quang	M00	TO	6.6	VA	7.25	NK1	8.88	22.73	0.75	23.48
2	09002348	7140201	Chẩu Phương Dung	21/10/2002	Nữ	1	01	Huyện Lâm Bình	Tuyên Quang	M07	VA	6.75	DI	6.25	NK1	9.38	22.38	2.75	25.13
3	09007892	7140201	Hoàng Thị Dực	14/11/2002	Nữ	1	01	Huyện Lâm Bình	Tuyên Quang	M07	VA	6	DI	6.75	NK1	8.5	21.25	2.75	24
4	05004257	7140201	Hoàng Thị Hằng	28/10/2002	Nữ	1	01	Huyện Xín Mần	Hà Giang	M07	VA	7	DI	6.25	NK1	9.13	22.38	2.75	25.13
5	09004680	7140201	Tạ Thị Hiền	31/07/2002	Nữ	1		Huyện Hàm Yên	Tuyên Quang	M07	VA	8.5	DI	9.75	NK1	8.88	27.13	0.75	27.88
6	09004719	7140201	La Thị Lan Hương	30/03/2002	Nữ	1	01	Huyện Hàm Yên	Tuyên Quang	M07	VA	7.5	DI	8.25	NK1	9.63	25.38	2.75	28.13
7	09004740	7140201	Dương Thị Lệ	28/10/2002	Nữ	1	01	Huyện Hàm Yên	Tuyên Quang	M00	TO	7.2	VA	6	NK1	8.88	22.08	2.75	24.83
8	09002110	7140201	Hoàng Thu Lệ	01/11/2002	Nữ	1		Huyện Yên Sơn	Tuyên Quang	M07	VA	6.25	DI	5.75	NK1	8.5	20.5	0.75	21.25
9	09005064	7140201	Hoàng Thị Loan	08/04/2002	Nữ	1	01	Huyện Yên Sơn	Tuyên Quang	M00	TO	4.2	VA	7.25	NK1	8.5	19.95	2.75	22.7
10	09005106	7140201	Trương Thị Thu Phương	15/03/2002	Nữ	1	01	Huyện Yên Sơn	Tuyên Quang	M07	VA	7	DI	6.25	NK1	8.88	22.13	2.75	24.88
11	09001316	7140201	Phương Thị Diễm Quỳnh	19/08/2002	Nữ	1	01	Huyện Yên Sơn	Tuyên Quang	M00	TO	6.8	VA	8.25	NK1	9.13	24.18	2.75	26.93
12	09001331	7140201	Ninh Thị Thảo	13/07/2002	Nữ	1		Thành phố Tuyên Quang	Tuyên Quang	M00	TO	7	VA	7	NK1	9.13	23.13	0.75	23.88
13	09008002	7140201	Nguyễn Thị Thơm	05/06/2002	Nữ	1	01	Huyện Lâm Bình	Tuyên Quang	M07	VA	6	DI	7.25	NK1	8.5	21.75	2.75	24.5
14	09005529	7140201	Đào Thu Trà	29/01/2002	Nữ	1	01	Huyện Yên Sơn	Tuyên Quang	M07	VA	7.75	DI	6	NK1	8.5	22.25	2.75	25
15	09003457	7140201	Ma Thị Thủy Trang	18/04/2002	Nữ	1	01	Huyện Chiêm Hóa	Tuyên Quang	M00	TO	5.2	VA	6.5	NK1	9.38	21.08	2.75	23.83
16	09001357	7140201	Nguyễn Huyền Trang	08/08/2002	Nữ	1		Thành phố Tuyên Quang	Tuyên Quang	M07	VA	6.5	DI	6.75	NK1	8.25	21.5	0.75	22.25
17	09001360	7140201	Nguyễn Thu Trang	29/06/2002	Nữ	1		Thành phố Tuyên Quang	Tuyên Quang	M07	VA	7.75	DI	7.25	NK1	9.38	24.38	0.75	25.13
18	09003054	7140201	Lê Thị Tuyết Trinh	25/12/2002	Nữ	1	01	Huyện Chiêm Hóa	Tuyên Quang	M07	VA	8	DI	8.25	NK1	8.63	24.88	2.75	27.63
2. Ngành Giáo dục Tiểu học																			
1	05002943	7140202	Lê Lan Anh	09/04/2002	Nữ	1		Huyện Quang Bình	Hà Giang	C00	VA	6.25	SU	7.25	DI	8.25	21.75	0.75	22.5
2	09000005	7140202	Mạc Bàn Quỳnh Anh	05/02/2002	Nữ	1	01	Huyện Na Hang	Tuyên Quang	C00	VA	8.25	SU	6.75	DI	7.75	22.75	2.75	25.5
3	09001439	7140202	Nguyễn Mai Anh	06/02/2002	Nữ	1		Huyện Sơn Dương	Tuyên Quang	C00	VA	6.75	SU	4.75	DI	6.75	18.25	0.75	19
4	01043638	7140202	Nguyễn Phương Anh	10/09/2002	Nữ	1	01	Huyện Yên Sơn	Tuyên Quang	C00	VA	8.75	SU	8.25	DI	7.25	24.25	2.75	27

5	09004609	7140202	Lý Lê Bảo	03/12/2002	Nữ	1	01	Huyện Hàm Yên	Tuyên Quang	C00	VA	6.75	SU	7	DI	7.5	21.25	2.75	24
6	09004409	7140202	Hoàng Thị Bắc	04/07/2002	Nữ	1	01	Huyện Hàm Yên	Tuyên Quang	C00	VA	7.5	SU	6.75	DI	7.25	21.5	2.75	24.25
7	09001100	7140202	Lưu Thị Minh Châu	27/11/2002	Nữ	1		Thành phố Tuyên Quang	Tuyên Quang	C00	VA	6.75	SU	5.5	DI	6.25	18.5	0.75	19.25
8	09003975	7140202	Lê Minh Chiến	30/12/2002	Nam	1		Huyện Hàm Yên	Tuyên Quang	C00	VA	7.75	SU	5.75	DI	6.5	20	0.75	20.75
9	09000013	7140202	Đào Văn Chính	02/09/2002	Nam	1	01	Huyện Hàm Yên	Tuyên Quang	C00	VA	6.25	SU	6.75	DI	7.75	20.75	2.75	23.5
10	09003994	7140202	Hoàng Tiến Dũng	03/09/2001	Nam	1	01	Huyện Hàm Yên	Tuyên Quang	C00	VA	6.25	SU	9	DI	9.75	25	2.75	27.75
11	09003141	7140202	Ma Thị Thu Giang	04/06/2002	Nữ	1	01	Huyện Chiêm Hóa	Tuyên Quang	C00	VA	7.5	SU	7.75	DI	8.75	24	2.75	26.75
12	09003148	7140202	Lý Thị Hạnh	07/04/2002	Nữ	1	01	Huyện Chiêm Hóa	Tuyên Quang	C00	VA	7.25	SU	7.75	DI	7.25	22.25	2.75	25
13	09004673	7140202	Nguyễn Thu Hằng	04/03/2002	Nữ	1		Huyện Hàm Yên	Tuyên Quang	C00	VA	7.25	SU	6.25	DI	6.5	20	0.75	20.75
14	09004437	7140202	Phạm Thị Hiền	14/12/2002	Nữ	1	01	Huyện Hàm Yên	Tuyên Quang	C00	VA	8	SU	5	DI	6	19	2.75	21.75
15	09000645	7140202	Vũ Thúy Hiền	26/03/2002	Nữ	1		Huyện Yên Sơn	Tuyên Quang	C00	VA	7	SU	5.25	DI	5.75	18	0.75	18.75
16	09002792	7140202	Ma Thị Hóa	24/02/1999	Nữ	1	01	Huyện Chiêm Hóa	Tuyên Quang	C00	VA	8.5	SU	6.25	DI	7	21.75	2.75	24.5
17	09004084	7140202	Nông Thu Hoài	01/12/2002	Nữ	1	01	Huyện Hàm Yên	Tuyên Quang	C00	VA	7.5	SU	3.25	DI	6.25	17	2.75	19.75
18	09002559	7140202	Nguyễn Văn Hoàng	04/03/2002	Nam	1	01	Huyện Na Hang	Tuyên Quang	C00	VA	4.75	SU	5	DI	7.5	17.25	2.75	20
19	12010192	7140202	Lù Thị Hồng	28/11/2002	Nữ	2	01	Huyện Yên Sơn	Tuyên Quang	C00	VA	7.5	SU	6.5	DI	4.5	18.5	2.25	20.75
20	12001719	7140202	Ma Thị Hồng	22/09/2002	Nữ	1	01	Huyện Lâm Bình	Tuyên Quang	A00	TO	8.4	LI	6.25	HO	4.25	18.9	2.75	21.65
21	09005017	7140202	Nguyễn Thị Hồng	19/02/2002	Nữ	1		Huyện Yên Sơn	Tuyên Quang	C00	VA	7	SU	7.25	DI	7	21.25	0.75	22
22	01049676	7140202	Bàn Thị Huệ	18/09/2002	Nữ	1	01	Huyện Hàm Yên	Tuyên Quang	C00	VA	6.75	SU	6.25	DI	7.25	20.25	2.75	23
23	05003006	7140202	Hoàng Minh Huệ	01/05/2002	Nữ	1	01	Huyện Quang Bình	Hà Giang	C00	VA	6.5	SU	5	DI	7.75	19.25	2.75	22
24	09000047	7140202	Nguyễn Minh Huệ	01/01/2002	Nữ	1	01	Huyện Na Hang	Tuyên Quang	D01	TO	7.8	VA	8.25	N1	5	21.05	2.75	23.8
25	09004449	7140202	Ma Thị Thanh Huyền	12/03/2002	Nữ	1	01	Huyện Hàm Yên	Tuyên Quang	C00	VA	7	SU	6.5	DI	6.5	20	2.75	22.75
26	09004713	7140202	Phạm Thị Thu Huyền	01/11/2002	Nữ	1		Huyện Hàm Yên	Tuyên Quang	C00	VA	5.75	SU	4.75	DI	7.75	18.25	0.75	19
27	09000049	7140202	Tô Thị Huyền	07/08/2002	Nữ	1	01	Huyện Hàm Yên	Tuyên Quang	C00	VA	7.75	SU	6	DI	7.5	21.25	2.75	24
28	01050010	7140202	Hoàng Thu Hương	01/01/2002	Nữ	1	01	Huyện Na Hang	Tuyên Quang	C00	VA	8	SU	4	DI	7.25	19.25	2.75	22
29	09003544	7140202	Quan Thị Hương	08/01/2002	Nữ	1	01	Huyện Chiêm Hóa	Tuyên Quang	C00	VA	7.25	SU	6.75	DI	7.75	21.75	2.75	24.5
30	09001672	7140202	Vũ Thị Thúy Hương	16/11/2002	Nữ	1		Thành phố Tuyên Quang	Tuyên Quang	C00	VA	6.25	SU	4.25	DI	7.75	18.25	0.75	19
31	09003180	7140202	Hoàng Thị Hường	07/07/2002	Nữ	1	01	Huyện Chiêm Hóa	Tuyên Quang	C00	VA	7.75	SU	6.5	DI	7	21.25	2.75	24
32	09004455	7140202	Ma Thu Hường	06/12/2001	Nữ	1	01	Huyện Hàm Yên	Tuyên Quang	C00	VA	6	SU	4.5	DI	6.5	17	2.75	19.75
33	09004737	7140202	Nịnh Thị Hương Lan	13/08/2002	Nữ	1	01	Huyện Hàm Yên	Tuyên Quang	C00	VA	7.75	SU	4.5	DI	5.5	17.75	2.75	20.5
34	09004148	7140202	Nông Thị Lan	15/08/2002	Nữ	1	01	Huyện Hàm Yên	Tuyên Quang	C00	VA	5.25	SU	8	DI	7.5	20.75	2.75	23.5

35	05002134	7140202	Thèn Thị Lan	09/12/2002	Nữ	1	01	Huyện Hoàng Su Phì	Hà Giang	C00	VA	5	SU	4	DI	6.75	15.75	2.75	18.5
36	09004149	7140202	Lộc Thị Lành	15/06/2002	Nữ	1	01	Huyện Hàm Yên	Tuyên Quang	C00	VA	7.25	SU	7.25	DI	8	22.5	2.75	25.25
37	09000068	7140202	Ma Thị Lê	01/10/2002	Nữ	1	01	Huyện Lâm Bình	Tuyên Quang	C00	VA	8.25	SU	6.75	DI	7.25	22.25	2.75	25
38	09004741	7140202	Nguyễn Thị Lệ	28/05/2002	Nữ	1		Huyện Hàm Yên	Tuyên Quang	C00	VA	7.25	SU	4.5	DI	6.75	18.5	0.75	19.25
39	05000206	7140202	Nguyễn Thu Liên	27/02/2002	Nữ	1		Huyện Bắc Quang	Hà Giang	D01	TO	8	VA	6.25	N1	5.6	19.85	0.75	20.6
40	01050124	7140202	Thào Thị Liên	08/04/2002	Nữ	1	01	Huyện Si Ma Cai	Lào Cai	C00	VA	6.25	SU	7.25	DI	7	20.5	2.75	23.25
41	23001694	7140202	Đinh Khánh Linh	09/12/2002	Nữ	1	01	Huyện Đà Bắc	Hoà Bình	C00	VA	5.5	SU	4.5	DI	5.75	15.75	2.75	18.5
42	09004160	7140202	Đỗ Thị Hoài Linh	19/08/2002	Nữ	1	01	Huyện Hàm Yên	Tuyên Quang	C00	VA	7.75	SU	8	DI	7.75	23.5	2.75	26.25
43	09000070	7140202	Hà Thị Ngọc Linh	06/02/2002	Nữ	1	01	Huyện Chiêm Hóa	Tuyên Quang	C00	VA	8	SU	7	DI	8.25	23.25	2.75	26
44	09004165	7140202	Lý Thị Nguyệt Linh	09/12/2002	Nữ	1	01	Huyện Hàm Yên	Tuyên Quang	C00	VA	5	SU	5.5	DI	7	17.5	2.75	20.25
45	09004476	7140202	Âu Thị Bích Loan	07/09/2002	Nữ	1	01	Huyện Hàm Yên	Tuyên Quang	C00	VA	7.5	SU	4.75	DI	6	18.25	2.75	21
46	09006148	7140202	Nguyễn Hồng Loan	06/01/2002	Nữ	1		Huyện Sơn Dương	Tuyên Quang	C00	VA	7	SU	4.75	DI	6.75	18.5	0.75	19.25
47	09003714	7140202	Hoàng Văn Lực	25/08/2002	Nam	1	01	Huyện Chiêm Hóa	Tuyên Quang	C00	VA	6.5	SU	6.5	DI	7.25	20.25	2.75	23
48	09004482	7140202	Tô Khánh Ly	25/07/2002	Nữ	1		Huyện Hàm Yên	Tuyên Quang	D01	TO	7.8	VA	7.25	N1	4	19.05	0.75	19.8
49	09001737	7140202	Lý Thị Chà Mi	21/01/2002	Nữ	1	01	Huyện Yên Sơn	Tuyên Quang	C00	VA	8	SU	7	DI	7.5	22.5	2.75	25.25
50	09001264	7140202	Hoàng Hồng My	31/05/2002	Nữ	1	01	Huyện Yên Sơn	Tuyên Quang	C00	VA	8	SU	5.25	DI	7.75	21	2.75	23.75
51	09002438	7140202	Bàn Thị Kim Ngân	17/08/2002	Nữ	1	01	Huyện Na Hang	Tuyên Quang	C00	VA	7.5	SU	4.25	DI	6.25	18	2.75	20.75
52	09002594	7140202	Lục Thị Vi Ngọc	18/01/2002	Nữ	1	01	Huyện Na Hang	Tuyên Quang	C00	VA	8	SU	5.75	DI	6.5	20.25	2.75	23
53	09002595	7140202	Nguyễn Thị Nguyệt	03/01/2002	Nữ	1	01	Huyện Na Hang	Tuyên Quang	C00	VA	7	SU	6.25	DI	6.5	19.75	2.75	22.5
54	09005490	7140202	Tương Thị Nguyệt	07/02/2002	Nữ	1	01	Huyện Yên Sơn	Tuyên Quang	C00	VA	7.5	SU	6.5	DI	7.25	21.25	2.75	24
55	09004805	7140202	Đỗ Thị Hồng Nhung	08/11/2002	Nữ	1		Huyện Yên Sơn	Tuyên Quang	A00	TO	9	LI	6	HO	5.5	20.5	0.75	21.25
56	09004501	7140202	Hoàng Thị Hồng Nhung	13/09/2002	Nữ	1	01	Huyện Hàm Yên	Tuyên Quang	C00	VA	8.5	SU	8.5	DI	8.5	25.5	2.75	28.25
57	09002294	7140202	Chẩu Thị Như	11/05/2002	Nữ	1	01	Huyện Lâm Bình	Tuyên Quang	C00	VA	7.5	SU	6	DI	7.75	21.25	2.75	24
58	09000094	7140202	Nguyễn Lâm Oanh	27/10/2002	Nữ	1	01	Huyện Yên Sơn	Tuyên Quang	D01	TO	7.4	VA	8.5	N1	4.8	20.7	2.75	23.45
59	09007966	7140202	Chẩu Hải Phong	24/10/2002	Nam	1	01	Huyện Lâm Bình	Tuyên Quang	C00	VA	6.5	SU	6.25	DI	8.25	21	2.75	23.75
60	09002606	7140202	Nguyễn Xuân Phước	23/06/2002	Nam	1	01	Huyện Na Hang	Tuyên Quang	C00	VA	5.5	SU	6.25	DI	7.25	19	2.75	21.75
61	09007006	7140202	Cao Việt Phương	28/10/2002	Nam	1	01	Huyện Sơn Dương	Tuyên Quang	C00	VA	6.5	SU	6.75	DI	7	20.25	2.75	23
62	09006267	7140202	Đinh Thị Diễm Quỳnh	18/01/2002	Nữ	1		Huyện Sơn Dương	Tuyên Quang	C00	VA	7.5	SU	6.5	DI	7.5	21.5	0.75	22.25
63	09007266	7140202	Hoàng Như Quỳnh	04/04/2002	Nữ	1	01	Huyện Sơn Dương	Tuyên Quang	C00	VA	6	SU	7.25	DI	6.75	20	2.75	22.75
64	09007985	7140202	Nguyễn Thế Tám	08/03/2002	Nam	1	01	Huyện Lâm Bình	Tuyên Quang	C00	VA	6.5	SU	8	DI	6.75	21.25	2.75	24

65	09004362	7140202	Ngô Anh Tú	10/10/2002	Nam	1		Huyện Hàm Yên	Tuyên Quang	C00	VA	6.5	SU	6	DI	6.75	19.25	0.75	20
66	09005169	7140202	Vũ Cẩm Tú	02/12/2002	Nữ	1	01	Huyện Yên Sơn	Tuyên Quang	C00	VA	7.75	SU	8.75	DI	8.5	25	2.75	27.75
67	09003067	7140202	Lý Hoàng Anh Tuấn	06/09/2001	Nam	1	01	Huyện Chiêm Hóa	Tuyên Quang	C00	VA	8.5	SU	7.5	DI	7.5	23.5	2.75	26.25
68	05004003	7140202	Lù Khánh Tùng	13/05/2002	Nam	1	01	Huyện Yên Minh	Hà Giang	C00	VA	6.25	SU	8	DI	8.5	22.75	2.75	25.5
69	09002987	7140202	Hà Thị Thanh Thanh	23/10/2002	Nữ	1	01	Huyện Chiêm Hóa	Tuyên Quang	C00	VA	8	SU	5.75	DI	6.25	20	2.75	22.75
70	09003601	7140202	Quan Thị Thanh	27/03/2002	Nữ	1	01	Huyện Chiêm Hóa	Tuyên Quang	C00	VA	7	SU	7.5	DI	7.75	22.25	2.75	25
71	09002988	7140202	Quan Thu Thanh	09/04/2002	Nữ	1	01	Huyện Chiêm Hóa	Tuyên Quang	C00	VA	8.25	SU	3.5	DI	6.75	18.5	2.75	21.25
72	09004530	7140202	Lê Phương Thảo	10/02/2002	Nữ	1		Huyện Hàm Yên	Tuyên Quang	A00	TO	7.8	LI	6.75	HO	8.5	23.05	0.75	23.8
73	09006306	7140202	Cao Việt Thắng	16/01/2000	Nam	1	01	Huyện Sơn Dương	Tuyên Quang	C00	VA	7.5	SU	8.75	DI	8.5	24.75	2.75	27.5
74	09000952	7140202	Hoàng Thúy Thơ	27/10/2002	Nữ	1	01	Huyện Chiêm Hóa	Tuyên Quang	C00	VA	7.5	SU	4.5	DI	7.25	19.25	2.75	22
75	09003020	7140202	Hà Văn Thuận	23/12/2002	Nam	1	01	Huyện Chiêm Hóa	Tuyên Quang	C00	VA	7.75	SU	7.25	DI	6.5	21.5	2.75	24.25
76	09002631	7140202	Hoàng Thị Thùy	23/06/2002	Nữ	1	01	Huyện Na Hang	Tuyên Quang	C00	VA	6.75	SU	3.75	DI	7.25	17.75	2.75	20.5
77	01028151	7140202	Lê Phương Thủy	05/12/2002	Nữ	3		Quận Bắc Từ Liêm	Hà Nội	D01	TO	8	VA	8.16	N1	5.8	21.96	0	21.96
78	09007777	7140202	Tạ Thị Thanh Thúy	09/05/2002	Nữ	1		Huyện Sơn Dương	Tuyên Quang	C00	VA	6.25	SU	7	DI	7.25	20.5	0.75	21.25
79	09000966	7140202	Nguyễn Anh Thuyên	09/02/2002	Nữ	1		Huyện Yên Sơn	Tuyên Quang	C00	VA	8.5	SU	4.75	DI	5.5	18.75	0.75	19.5
80	09004540	7140202	Mã Văn Thư	14/09/2002	Nam	1	01	Huyện Hàm Yên	Tuyên Quang	C00	VA	7.5	SU	5.5	DI	7.75	20.75	2.75	23.5
81	09006336	7140202	Hoàng Thị Thương	17/02/2002	Nữ	1	01	Huyện Sơn Dương	Tuyên Quang	C00	VA	7.5	SU	6.5	DI	6.25	20.25	2.75	23
82	09005147	7140202	Ngô Thị Thanh Thương	07/07/2002	Nữ	1		Huyện Yên Sơn	Tuyên Quang	C00	VA	6.25	SU	4.5	DI	8	18.75	0.75	19.5
83	28012615	7140202	Bùi Thùy Trang	11/05/2002	Nữ	1	01	Huyện Cẩm Thủy	Thanh Hoá	A00	TO	7.8	LI	6	HO	6	19.8	2.75	22.55
84	09004881	7140202	Lương Thị Trang	04/03/2002	Nữ	1		Huyện Hàm Yên	Tuyên Quang	C00	VA	7	SU	4.75	DI	7.25	19	0.75	19.75
85	09002483	7140202	Nguyễn Kiều Trang	13/05/2002	Nữ	1	01	Huyện Na Hang	Tuyên Quang	C00	VA	5.5	SU	4.5	DI	6.25	16.25	2.75	19
86	09004550	7140202	Nguyễn Linh Trang	23/12/2002	Nữ	1		Huyện Hàm Yên	Tuyên Quang	C00	VA	7.75	SU	6.25	DI	5.75	19.75	0.75	20.5
87	09004551	7140202	Nguyễn Thị Trang	01/02/2002	Nữ	1	01	Huyện Hàm Yên	Tuyên Quang	C00	VA	7	SU	8.5	DI	8.25	23.75	2.75	26.5
88	09003051	7140202	Phạm Huyền Trang	26/02/2002	Nữ	1		Huyện Chiêm Hóa	Tuyên Quang	C00	VA	9	SU	7.5	DI	7	23.5	0.75	24.25
89	09002635	7140202	Tạ Quỳnh Trang	08/09/2002	Nữ	1	01	Huyện Chiêm Hóa	Tuyên Quang	C00	VA	6.5	SU	3.25	DI	6.25	16	2.75	18.75
90	09004572	7140202	Bế Hồng Vân	25/02/2002	Nữ	1	01	Huyện Hàm Yên	Tuyên Quang	C00	VA	8.25	SU	7.25	DI	7.25	22.75	2.75	25.5
91	09004923	7140202	Nguyễn Vũ Yến	22/09/2002	Nữ	1		Huyện Hàm Yên	Tuyên Quang	C00	VA	8.25	SU	6.75	DI	8.25	23.25	0.75	24
3. Ngành Sư phạm Toán học																			
1	09002823	7140209	Nguyễn Thị Huyên	22/01/2002	Nữ	1		Huyện Chiêm Hóa	Tuyên Quang	A00	TO	8.8	LI	7.75	HO	8	24.55	0.75	25.3
4. Ngành Văn học																			

1	09001101	7229030	Nguyễn Hoàng Chi	31/08/2002	Nữ	1		Thành phố Tuyên Quang	Tuyên Quang	C20	VA	7	DI	5.5	GD	7.5	20	0.75	20.75
2	09003326	7229030	Ma Công Giang	09/12/2002	Nam	1	01	Huyện Lâm Bình	Tuyên Quang	C19	VA	5.25	SU	7	GD	9.25	21.5	2.75	24.25
5. Ngành Điều dưỡng																				
1	52009956	7720301	Lương Thị Thùy Dương	10/11/2002	Nữ	1		Huyện Xuyên Mộc	Bà Rịa-Vũng Tàu	B00	TO	8	HO	8	SI	7	23	0.75	23.75
6. Ngành Kế toán																				
1	09001482	7340301	Hoàng Yến Chi	12/04/2002	Nữ	1		Thành phố Tuyên Quang	Tuyên Quang	D01	TO	8	VA	7.5	N1	5.8	21.3	0.75	22.05
2	09004974	7340301	Nguyễn Minh Đức	10/05/2002	Nam	1		Huyện Yên Sơn	Tuyên Quang	D01	TO	6.6	VA	6.25	N1	3.2	16.05	0.75	16.8
3	09005606	7340301	Nguyễn Thị Hạnh	20/05/2002	Nữ	1		Huyện Yên Sơn	Tuyên Quang	D01	TO	5.4	VA	7	N1	5.2	17.6	0.75	18.35
4	09001156	7340301	Nguyễn Thị Hằng	12/11/2002	Nữ	1		Huyện Sơn Dương	Tuyên Quang	A00	TO	5.8	LI	4.5	HO	5	15.3	0.75	16.05
5	09001300	7340301	Trần Thúy Phương	15/05/2002	Nữ	1		Thành phố Tuyên Quang	Tuyên Quang	A00	TO	6	LI	5.75	HO	4.75	16.5	0.75	17.25
7. Ngành Công nghệ thông tin																				
1	09004705	7480201	Lý Quốc Huy	12/04/2002	Nam	1	01	Huyện Hàm Yên	Tuyên Quang	A00	TO	7.6	LI	5.5	HO	7.25	20.35	2.75	23.1
2	09002492	7480201	Hoàng Anh Tuấn	30/07/2001	Nam	1	01	Huyện Na Hang	Tuyên Quang	B00	TO	3.6	HO	4.5	SI	7	15.1	2.75	17.85
8. Ngành Kinh tế nông nghiệp																				
1	09007989	7620115	Hoàng Trung Thành	06/01/2002	Nam	1	01	Huyện Lâm Bình	Tuyên Quang	D01	TO	5.6	VA	6	N1	3	14.6	2.75	17.35
9. Ngành Quản lý văn hóa																				
1	09005376	7229042	Nguyễn Thị Cúc	31/10/2002	Nữ	1		Huyện Yên Sơn	Tuyên Quang	C19	VA	4.75	SU	3	GD	7.5	15.25	0.75	16
2	09000577	7229042	Nguyễn Bá Đạt	24/12/2002	Nam	1	01	Huyện Yên Sơn	Tuyên Quang	C00	VA	6.75	SU	4.25	DI	6	17	2.75	19.75
3	05005085	7229042	Ban Thị Minh Huệ	01/06/2002	Nữ	1	01	Huyện Vị Xuyên	Hà Giang	C00	VA	6	SU	7.25	DI	6.75	20	2.75	22.75
4	05002230	7229042	Lù Seo Tiên	21/08/2002	Nam	1	01	Huyện Hoàng Su Phì	Hà Giang	C00	VA	6	SU	5.75	DI	7.25	19	2.75	21.75
5	05003746	7229042	Kiều Thị Thanh Xuân	07/10/2002	Nữ	1		Huyện Bắc Quang	Hà Giang	C00	VA	5.25	SU	4.75	DI	8	18	0.75	18.75
10. Ngành Công tác xã hội																				
1	09004104	7760101	Hoàng Mạnh Hùng	07/05/2002	Nam	1	01	Huyện Hàm Yên	Tuyên Quang	C00	VA	5	SU	5.75	DI	6.75	17.5	2.75	20.25
2	05002245	7760101	Thèn Thị Tươi	28/01/2002	Nữ	1	01	Huyện Hoàng Su Phì	Hà Giang	C19	VA	5.25	SU	3	GD	6.25	14.5	2.75	17.25
3	09001061	7760101	Đỗ Anh Vũ	21/10/2002	Nam	1		Thành phố Tuyên Quang	Tuyên Quang	C00	VA	5.75	SU	4.5	DI	6	16.25	0.75	17
11. Ngành chính trị học																				
1	09002032	7310201	Nguyễn Đình Dương	05/01/2002	Nam	1		Thành phố Tuyên Quang	Tuyên Quang	C19	VA	6.25	SU	4	GD	7.75	18	0.75	18.75
12. Ngành Tâm lý học																				
1	09000851	7310401	Hoàng Nguyệt Nhi	05/08/2002	Nữ	1	01	Huyện Yên Sơn	Tuyên Quang	C00	VA	6.5	SU	4.25	DI	6.5	17.25	2.75	20
2	05002232	7310401	Lù Văn Tình	28/02/2002	Nam	1	01	Huyện Hoàng Su Phì	Hà Giang	C19	VA	5	SU	5.5	GD	8	18.5	2.75	21.25

13. Ngành Quản trị dịch vụ Du lịch và lữ hành																					
1	09004627	7810103	Hoàng Thị Kim Cúc	28/09/2002	Nữ	1		Huyện Hàm Yên	Tuyên Quang	C19	VA	7	SU	8.25	GD	9	24.25	0.75	25
2	05003570	7810103	Nguyễn Thị Ngọc Diệp	04/09/2002	Nữ	1		Huyện Bắc Quang	Hà Giang	C20	VA	5.5	DI	7	GD	7.25	19.75	0.75	20.5
3	09000571	7810103	Đinh Hoàng Đan	08/07/2002	Nam	1		Thành phố Tuyên Quang	Tuyên Quang	C20	VA	4.25	DI	6.75	GD	6.75	17.75	0.75	18.5
4	09002044	7810103	Nguyễn Vũ Đức	06/11/2002	Nam	1		Huyện Yên Sơn	Tuyên Quang	D01	TO	5	VA	5.75	N1	4	14.75	0.75	15.5
5	09004048	7810103	Triệu Thị Hải	14/03/2002	Nữ	1	01	Huyện Hàm Yên	Tuyên Quang	C20	VA	4	DI	6.5	GD	8.25	18.75	2.75	21.5
6	09000640	7810103	Đặng Thu Hiền	12/06/2002	Nữ	1		Huyện Yên Sơn	Tuyên Quang	C20	VA	6.75	DI	7.5	GD	8.5	22.75	0.75	23.5
7	05001307	7810103	Phàn Thị Hồng	02/04/2002	Nữ	1	01	Huyện Quản Bạ	Hà Giang	C00	VA	5.75	SU	3.5	DI	5.5	14.75	2.75	17.5
8	09007208	7810103	Nguyễn Bích Lan	09/01/2002	Nữ	1		Huyện Sơn Dương	Tuyên Quang	D01	TO	6.2	VA	6.5	N1	4.6	17.3	0.75	18.05
9	09004742	7810103	Trần Thị Liêm	18/10/2002	Nữ	1	01	Huyện Hàm Yên	Tuyên Quang	C20	VA	5.75	DI	6.5	GD	9.25	21.5	2.75	24.25
10	09004743	7810103	Trần Thị Liễu	04/10/2002	Nữ	1		Huyện Hàm Yên	Tuyên Quang	C20	VA	7.25	DI	7.5	GD	9	23.75	0.75	24.5
11	09004168	7810103	Nguyễn Mai Linh	05/09/2001	Nữ	1		Huyện Hàm Yên	Tuyên Quang	C20	VA	7.25	DI	5	GD	6.5	18.75	0.75	19.5
12	09000076	7810103	Nguyễn Kiều Ly	04/08/2002	Nữ	1	01	Huyện Na Hang	Tuyên Quang	C20	VA	7.75	DI	6.75	GD	7.5	22	2.75	24.75
13	09004220	7810103	Sầm Thị Kiều Nga	30/07/2002	Nữ	1	01	Huyện Hàm Yên	Tuyên Quang	C00	VA	6.25	SU	6.5	DI	7.75	20.5	2.75	23.25
14	09001282	7810103	Đào Minh Ngọc	11/11/2002	Nữ	1	01	Thành phố Tuyên Quang	Tuyên Quang	C20	VA	6	DI	7.25	GD	8.75	22	2.75	24.75
15	09004236	7810103	Chu Thị Nhung	08/05/2002	Nữ	1	01	Huyện Hàm Yên	Tuyên Quang	C20	VA	6.5	DI	7	GD	7.75	21.25	2.75	24
16	09004269	7810103	Nguyễn Tiến Quyết	20/02/2002	Nam	1	01	Huyện Hàm Yên	Tuyên Quang	C19	VA	5.25	SU	7.5	GD	8.25	21	2.75	23.75
17	10005769	7810103	Vy Văn Sơn	12/09/2002	Nam	1	01	Huyện Bình Gia	Lạng Sơn	C20	VA	6.75	DI	6.75	GD	9.25	22.75	2.75	25.5
18	09004302	7810103	Lương Việt Thắng	30/12/2002	Nam	1		Huyện Hàm Yên	Tuyên Quang	C20	VA	6.75	DI	6.25	GD	8.25	21.25	0.75	22
19	09002312	7810103	Nguyễn Thị Thu Trà	18/02/2002	Nữ	1		Huyện Lâm Bình	Tuyên Quang	C20	VA	6.25	DI	7.75	GD	8.25	22.25	0.75	23
20	09000983	7810103	Nguyễn Dương Thùy Trang	17/12/2002	Nữ	1		Thành phố Tuyên Quang	Tuyên Quang	C20	VA	8	DI	6.5	GD	8	22.5	0.75	23.25
21	09004911	7810103	Đặng Thị Vân	11/10/2002	Nữ	1	01	Huyện Hàm Yên	Tuyên Quang	C19	VA	6.5	SU	1.75	GD	6	14.25	2.75	17
22	44007184	7810103	Lê Thị Huyền Vy	16/08/2002	Nữ	2		Thành phố Dĩ An	Bình Dương	D01	TO	7.8	VA	6.75	N1	3.2	17.75	0.25	18

(Ấn định danh sách này là: 154 thí sinh)